



anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
www.anvietcpa.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN, CÂY XANH HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN, CÂY XANH HÀI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tháng 02 năm 2023



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công viên, Cây xanh Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Phạm Quang Sỹ	Thành viên
Ông Bùi Gia Bảo	Thành viên
Ông Phạm Kiến Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Kiến Phong	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Gia Bảo	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Kiến Phong

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi, Lê Văn Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,



Lê Văn Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Số: 09 /2023/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công viên, Cây xanh Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công viên, Cây xanh Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08/02/2023, từ trang 06 đến trang 22, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công viên, Cây xanh Hải Phòng tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1436-2023-055-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Thị Hoài Thu

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2461-2023-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022		01/01/2022	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.332.139.698		20.041.357.600	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.231.925.608		4.204.348.428	
1. Tiền	111	5	8.231.925.608		4.204.348.428	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.950.000.000		-	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.950.000.000		-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.579.913.888		15.357.221.272	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	18.398.160.359		15.154.248.282	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		76.160.000		72.000.000	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	105.593.529		130.972.990	
IV. Hàng tồn kho	140		522.490.360		479.787.900	
1. Hàng tồn kho	141	11	522.490.360		479.787.900	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.809.842		-	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	47.809.842		-	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.802.829.886		5.997.957.645	
I. Tài sản cố định	220		5.279.031.782		5.559.046.571	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.279.031.782		5.559.046.571	
- Nguyên giá	222		11.568.498.017		16.525.168.790	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.289.466.235)		(10.966.122.219)	
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		89.137.759		-	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	89.137.759		-	
III. Tài sản dài hạn khác	260		434.660.345		438.911.074	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	434.660.345		438.911.074	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		37.134.969.584		26.039.315.245	

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022		01/01/2022	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		18.759.167.888		10.985.379.758	
I. Nợ ngắn hạn	310		18.759.167.888		10.985.379.758	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	11.154.983.006		5.348.675.459	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		50.000.000		259.000.000	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.098.555.625		316.941.322	
4. Phải trả người lao động	314		4.675.394.760		3.314.017.860	
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	653.243.000		356.125.350	
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.126.991.497		1.390.619.767	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.375.801.696		15.053.935.487	
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	18.989.886.066		15.668.019.857	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17a	12.800.000.000		12.800.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.800.000.000		12.800.000.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	589.393.240		469.465.524	
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17b	5.600.492.826		2.398.554.333	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.600.492.826		2.398.554.333	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(614.084.370)		(614.084.370)	
1. Nguồn kinh phí	431	16	(614.084.370)		(614.084.370)	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		37.134.969.584		26.039.315.245	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Chủ tịch

Hội đồng quản trị



Nguyễn Thị Minh Thu

Nguyễn Thị Tuyết

Phạm Kiến Phong

Lê Văn Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Mẫu số B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	71.764.654.990	56.312.708.306
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	100.148.111	9.092.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	71.664.506.879	56.303.616.306
4. Giá vốn hàng bán	11	19	59.899.180.355	46.073.909.293
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		11.765.326.524	10.229.707.013
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	13.117.638	9.467.110
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	8.035.194.987	7.010.982.342
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		3.743.249.175	3.228.191.781
11. Thu nhập khác	31	22	3.954.312.141	-
12. Chi phí khác	32	23	678.240.173	172.475.892
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.276.071.968	(172.475.892)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.019.321.143	3.055.715.889
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	1.418.828.317	657.161.556
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.600.492.826	2.398.554.333
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	4.375	744

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Chủ tịch

Hội đồng quản trị






Nguyễn Thị Minh Thu

Nguyễn Thị Tuyết

Phạm Kiến Phong

Lê Văn Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2022

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022		Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		69.745.931.951		55.925.161.390
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(30.268.981.547)		(22.846.306.206)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(24.751.429.211)		(20.707.300.609)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	15	(1.164.161.556)		(556.100.934)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.217.270.926		659.749.499
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.527.845.153)		(8.203.078.899)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.250.785.410		4.272.124.241
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	9, 10	(1.409.137.759)		(47.300.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	22	3.953.762.141		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(3.950.000.000)		-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20	13.117.638		9.467.110
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.392.257.980)		(37.832.890)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(830.950.250)		(892.371.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(830.950.250)		(892.371.750)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		4.027.577.180		3.341.919.601
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	4.204.348.428		862.428.827
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	5	8.231.925.608		4.204.348.428

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2022.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Minh Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết

Tổng Giám đốc

Phạm Kiến Phong

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2023



Chủ tịch

Hội đồng quản trị

Lê Văn Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Công viên, Cây xanh Hải Phòng, trụ sở đặt tại số 26 Lương Khánh Thiện, Phường Cầu Đất, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, được thành lập theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0201093967 ngày 07/9/2016 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 4 ngày 25/4/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 12.800.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: dịch vụ.**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** không quá 12 tháng.**1.4 Ngành nghề kinh doanh:**

- Trồng cây, chăm sóc và duy trì công viên, vườn hoa và các khu công cộng khác; Tư vấn thiết kế, khảo sát lập dự toán và giám sát thi công các công việc thuộc lĩnh vực công viên, cây xanh (trừ tư vấn thiết kế, khảo sát, lập dự toán và giám sát công trình xây dựng); Hoạt động chế tác non bộ, tiểu cảnh;
- Trồng cây xanh bóng mát;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Hoạt động dịch vụ trông coi các phương tiện giao thông đường bộ.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.**1.6 Cấu trúc của doanh nghiệp:** Công ty không có các đơn vị trực thuộc, không có công ty con hoặc công ty liên doanh, liên kết.**1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:** các thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được.**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) kể từ thời điểm báo cáo, là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Lãi tiền gửi phát sinh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí nhân công của công trình trang trí Tết Quý Mão 2023 đang thực hiện.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia cho thời gian hữu dụng ước tính hoặc giá trị còn lại chia cho thời gian hữu dụng còn lại. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc, thiết bị	03
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng để phục vụ cho mục đích kinh doanh và quản lý. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh bao gồm: các chậu cây cảnh; chi phí đất màu, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ khác.

- Các chậu cây cảnh đã xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh cho từ 02 đến 05 lần sử dụng;
- Chi phí đất màu, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 12 đến 48 tháng kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế của năm 2021 được trích lập và phân phối theo Nghị quyết số 68/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

4.11 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là theo quyết toán của Sở Xây dựng Hải Phòng và biên bản thẩm tra của Sở Tài chính Hải Phòng, bao gồm:

- Giảm trừ doanh thu công trình cung ứng dịch vụ quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cây cảnh vỉa hè các quận nội thành Hải Phòng năm 2021 theo Văn bản thẩm tra số 15/VBTT-STC ngày 14/01/2022 và Quyết định phê duyệt quyết toán số 61/QĐ-SXD ngày 17/01/2022;
- Giảm trừ doanh thu công trình trang trí hoa, cây cảnh phục vụ Tết nguyên đán Nhân Dân năm 2022 tại các đảo giao thông, một số tuyến đường lớn và khuôn viên trụ sở một số cơ quan thành phố theo Văn bản thẩm tra số 133/VBTT-STC ngày 18/10/2022; số 134/VBTT-STC ngày 10/10/2022; Quyết định phê duyệt quyết toán số 681/QĐ-SXD ngày 21/10/2022 và số 693/QĐ-SXD ngày 26/10/2022.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong năm được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong năm, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, cước điện thoại...); chi phí bằng tiền khác.

4.15 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 28.

5. TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	163.863.340	48.808.427
Tiền gửi ngân hàng	8.068.062.268	4.155.540.001
Cộng	8.231.925.608	4.204.348.428

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	3.950.000.000	3.950.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền	3.950.000.000	3.950.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	18.398.160.359	15.154.248.282
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	17.219.917.758	13.999.288.358
<i>Sở Xây dựng Hải Phòng</i>	<i>14.303.285.000</i>	<i>9.882.655.600</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Trường Phát</i>	<i>2.916.632.758</i>	<i>4.116.632.758</i>
Các khoản phải thu của khách hàng khác	1.178.242.601	1.154.959.924

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	105.593.529	-	130.972.990	-
Phải thu khoản tiền đã ứng để phục vụ lập quy hoạch GPMB dự án Xây dựng công trình trồng cây xanh cách ly khu vực Nhà máy Thép Cửa Long (*)	100.000.000	-	100.000.000	-
Phải thu khác	5.593.529	-	30.972.990	-

(*) đây là khoản tiền Công ty tạm ứng vốn theo Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 28/7/2007 của UBND thành phố Hải Phòng. Dự án này chưa hình thành tài sản, đồng thời, đã có quyết định đình hoãn của cấp có thẩm quyền. Công ty sẽ hoàn thiện hồ sơ để xử lý dứt điểm trong năm tài chính 2023.

9. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tại ngày 01/01	-	198.201.135
Tăng trong năm	89.137.759	-
Xây dựng cơ bản	89.137.759	-
Giảm trong năm	-	198.201.135
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	198.201.135
Tại ngày 31/12 (*)	89.137.759	-

(*) Bao gồm:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nhà giàn vườn Anh Dũng 2	23.011.811	-
Nhà xe vườn Anh Dũng 2	66.125.948	-
Cộng	89.137.759	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2022	8.939.133.586	-	7.385.393.386	200.641.818	16.525.168.790
Tăng trong năm	-	162.000.000	1.158.000.000	-	1.320.000.000
Mua sắm	-	162.000.000	1.158.000.000	-	1.320.000.000
Giảm trong năm	6.200.310.773	-	-	76.360.000	6.276.670.773
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	76.360.000	76.360.000
Giảm khác (*)	6.200.310.773	-	-	-	6.200.310.773
Tại ngày 31/12/2022	2.738.822.813	162.000.000	8.543.393.386	124.281.818	11.568.498.017
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2022	6.301.305.699	-	4.522.341.908	142.474.612	10.966.122.219
Tăng trong năm	288.946.704	13.500.000	625.515.012	22.433.340	950.395.056
Khấu hao trong năm	288.946.704	13.500.000	625.515.012	22.433.340	950.395.056
Giảm trong năm	5.550.691.040	-	-	76.360.000	5.627.051.040
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	76.360.000	76.360.000
Giảm khác (*)	5.550.691.040	-	-	-	5.550.691.040
Tại ngày 31/12/2022	1.039.561.363	13.500.000	5.147.856.920	88.547.952	6.289.466.235
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2022	2.637.827.887	-	2.863.051.478	58.167.206	5.559.046.571
Tại ngày 31/12/2022	1.699.261.450	148.500.000	3.395.536.466	35.733.866	5.279.031.782

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 3.618.297.204 VND (tại ngày 31/12/2021 là 5.187.490.250 VND).

(*) Ghi giảm theo Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thu hồi đất do Công ty Cổ phần Công viên, Cây xanh Hải Phòng và Ủy ban Nhân dân phường Lạch Tray quản lý để bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Xây dựng công viên cây xanh tại số 53 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	439.026.200	-	412.205.600	-
Công cụ, dụng cụ	45.799.160	-	67.582.300	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.665.000	-	-	-
Cộng	522.490.360	-	479.787.900	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
12.1 Ngắn hạn	47.809.842	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	47.809.842	-
12.2 Dài hạn	434.660.345	438.911.074
Các chậu cây cảnh	326.592.500	272.650.000
Chi phí đất màu, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ khác	108.067.845	166.261.074

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	11.154.983.006	11.154.983.006	5.348.675.459	5.348.675.459
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	9.822.457.296	9.822.457.296	1.142.627.940	1.142.627.940
<i>Công ty TNHH Cảnh quan Thiên Thanh</i>	<i>7.184.911.296</i>	<i>7.184.911.296</i>	-	-
<i>Công ty TNHH Quang Quyền</i>	<i>2.637.546.000</i>	<i>2.637.546.000</i>	<i>1.142.627.940</i>	<i>1.142.627.940</i>
Các đối tượng khác	1.332.525.710	1.332.525.710	4.206.047.519	4.206.047.519

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	653.243.000	356.125.350
Kinh phí công đoàn	157.685.000	128.817.100
Tiền trang phục cho nhân viên	490.200.000	223.000.000
Cổ tức phải trả	5.358.000	4.308.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	110.281.213	1.314.459.757	783.726.568	641.014.402
Thuế thu nhập doanh nghiệp	199.161.556	1.418.828.317	1.164.161.556	453.828.317
Thuế thu nhập cá nhân (*)	7.498.553	30.926.256	34.711.903	3.712.906
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	61.572.020	61.572.020	-
Các khoản thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Động	316.941.322	2.828.786.350	2.047.172.047	1.098.555.625

(*): Số thuế thu nhập cá nhân đã thực nộp trong năm bao gồm: số thực nộp được ghi thu vào ngân sách Nhà nước là 31.356.479 VND và điều chỉnh giảm nghĩa vụ thuế năm 2021 còn phải nộp sau quyết toán là 3.355.424 VND.

16. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Số đầu năm	(614.084.370)	(614.084.370)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
Số cuối năm (*)	(614.084.370)	(614.084.370)

(*) Số dư cuối năm là của dự án xây dựng công viên An Biên đã được thẩm tra quyết toán năm 2006 nhưng chưa được chi trả do Sở Kế hoạch và Đầu tư đợi nguồn kinh phí Thành phố cấp. Công ty vẫn đang làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư để thu hồi khoản kinh phí này.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	12.800.000.000	343.676.555	2.515.779.382	15.659.455.937
Tăng trong năm trước	-	125.788.969	2.398.554.333	2.524.343.302
Lãi trong năm	-	-	2.398.554.333	2.398.554.333
Phân phối lợi nhuận	-	125.788.969	-	125.788.969
Giảm trong năm trước	-	-	2.515.779.382	2.515.779.382
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.515.779.382	2.515.779.382
Số dư đầu năm nay	12.800.000.000	469.465.524	2.398.554.333	15.668.019.857
Tăng trong năm nay	-	119.927.716	5.600.492.826	5.720.420.542
Lãi trong năm	-	-	5.600.492.826	5.600.492.826
Phân phối lợi nhuận	-	119.927.716	-	119.927.716
Giảm trong năm nay	-	-	2.398.554.333	2.398.554.333
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.398.554.333	2.398.554.333
Số dư cuối năm nay	12.800.000.000	589.393.240	5.600.492.826	18.989.886.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Cổ đông Nhà nước	7.040.000.000	7.040.000.000	7.040.000.000	7.040.000.000
Các cổ đông khác	5.760.000.000	5.760.000.000	5.760.000.000	5.760.000.000
Cộng	12.800.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Vốn góp của chủ sở hữu	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tại ngày 01/01	12.800.000.000	12.800.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12	12.800.000.000	12.800.000.000
b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Số đầu năm	2.398.554.333	2.515.779.382
Tăng trong năm	5.600.492.826	2.398.554.333
Lãi trong năm	5.600.492.826	2.398.554.333
Giảm trong năm	2.398.554.333	2.515.779.382
Phân phối lợi nhuận năm trước	2.398.554.333	2.515.779.382
<i>Chia cổ tức</i>	<i>832.000.000</i>	<i>832.000.000</i>
<i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>119.927.716</i>	<i>125.788.969</i>
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>1.446.626.617</i>	<i>1.557.990.413</i>
Số cuối năm	5.600.492.826	2.398.554.333
c. Cổ phiếu	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.280.000	1.280.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.280.000	1.280.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.280.000</i>	<i>1.280.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.280.000	1.280.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.280.000</i>	<i>1.280.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.764.654.990	56.312.708.306
Doanh thu cung cấp dịch vụ	71.764.654.990	56.312.708.306
Các khoản giảm trừ doanh thu	100.148.111	9.092.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.664.506.879	56.303.616.306

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	59.899.180.355	46.073.909.293
Cộng	59.899.180.355	46.073.909.293

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	13.117.638	9.467.110
Cộng	13.117.638	9.467.110

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	6.210.460.502	5.495.801.458
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.824.734.485	1.515.180.884
Cộng	8.035.194.987	7.010.982.342

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu từ bồi thường, hỗ trợ do di chuyển trụ sở Công ty để xây dựng công viên	3.953.762.141	-
Các khoản khác	550.000	-
Cộng	3.954.312.141	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***23. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Khấu hao TSCĐ không phục vụ hoạt động kinh doanh	28.620.440	171.722.640
Phạt chậm nộp thuế GTGT	-	753.252
Giá trị còn lại của TSCĐ ghi giảm trong năm do di chuyển trụ sở Công ty để xây dựng công viên	649.619.733	-
Cộng	678.240.173	172.475.892

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.574.769.848	18.013.688.943
Chi phí nhân công	34.620.832.056	28.724.221.446
Chi phí khấu hao tài sản cố định	921.774.616	1.173.650.850
Chi phí khác	5.854.663.822	5.325.197.036
Cộng	67.972.040.342	53.236.758.275

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	7.019.321.143	3.055.715.889
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	74.820.440	230.091.892
Khấu hao TSCĐ không phục vụ hoạt động kinh doanh	28.620.440	171.722.640
Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	46.200.000	57.616.000
Chi phí khác không được trừ	-	753.252
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	7.094.141.583	3.285.807.781
Thuế suất thuế TNDN (5)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (6)=(4)*(5)	1.418.828.317	657.161.556

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	5.600.492.826	2.398.554.333
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	1.446.626.617
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)	5.600.492.826	951.927.716
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	1.280.000	1.280.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	4.375	744

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Khoản điều chỉnh giảm (2b) là trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết số 68/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 có thể thay đổi sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022.

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

27. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2022 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

28. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền lương, thù lao của người quản lý công ty	1.554.960.000	1.311.870.000
Tiền lương của người quản lý chuyên trách	1.370.160.000	1.152.238.000
Thù lao của người quản lý không chuyên trách	184.800.000	159.632.000

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Chủ tịch
Hội đồng quản trị





Nguyễn Thị Minh Thu

Nguyễn Thị Tuyết

Phạm Kiến Phong

Lê Văn Tuấn

Partnering for **Success**

ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH:

**Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**

E anviet@anvietcpa.com
T (84-24) 6278 2904
F (84-24) 6278 2905

**Tầng 9, tòa nhà AC ngõ 78 Duy Tân
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**

E anviet.hn@anvietcpa.com
T (84-24) 3795 8705
F (84-24) 3795 8677

**BH06-12A, Khu đô thị Vinhomes Imperia
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**

E anviet.hp@anvietcpa.com
T (84-225) 3842430

